**SẢN PHẨM BIÊN SOẠN TRƯỜNG THCS VIỆT HÒA**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN , LỚP 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **3** | **0** | **1** | **2** | **0** | **1** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***5*** | ***35*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

1. **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1.** | **ĐỌC HIỂU** | 1. Truyện truyền kì, truyện trinh thám. | **Nhận biết:**- Nhận biết được một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.- Xác định được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện truyền kì và truyện trinh thám. **Thông hiểu:**- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.- Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản, - Phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì và truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.- Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp **Vận dụng**: - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức nghệ thuật sau khi đọc hiểu văn bản.- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.  | 3 TN | 1TN2TL  | 1 TL | \*1TL |
| 2. Truyện thơ Nôm | **Nhận biết:**- Nhận biết được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. - Nhận biết được sự kết hợp giữa những yếu tố quy phạm của văn học trung đại và yếu tố bình dân trong truyện thơ. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện thơ Nôm.**Thông hiểu**:- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.- Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của truyện thơ. - Phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại, nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật trong truyện thơ. - Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện thơ.- Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp.**Vận dụng:**. - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức nghệ thuật sau khi đọc hiểu văn bản.- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản. |  |  |  |  |
| 3. Thơ song thất lục bát, thơ tám chữ. | **Nhận biết:**- Nhận biết được một số yếu tố về luật của thơ song thất lục bát, thơ tám chữ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ.- Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.**Thông hiểu:** - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản.- Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.- Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố trong thơ.**Vận dụng**:- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản - Phân biệt được sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát.  |  |  |  |  |
| 4. Bi kịch | **Nhận biết:**- Nhận biết được nhân vật và lời thoại của nhân vật trong bi kịch.**Thông hiểu:**- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.- Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của bi kịch.- Phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, lời thoại. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp trong văn bản.**Vận dụng:**- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản - Phân biệt được sự khác nhau giữa giữa bi kịch với hài kịch. |  |  |  |  |
| 5. Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản.**Thông hiểu:**- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.- Lí giải được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).- Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản nghị luận. **Vận dụng:**- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.- Nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận.  |  |  |  |  |
| 6. Văn bản thông tin | **Nhận biết:****-** Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn. - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...- Nhận biết các phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.- Nhận biết tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng ( như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...).- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản.**Thông hiểu:**- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.- Phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.- Phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...- Phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.- Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản.**Vận dụng:****-** Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản.**-** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| **2** | **VIẾT** | 1. Tập sáng tác truyện hoặc mô phỏng một truyện kể. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. |  |  |  |  |
| 2. Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử. | **1. Nhận biết:** **2. Thông hiểu:** **3. Vận dụng:** **4. Vận dụng cao:** Viết được bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa. |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | 3 TN | 1TN 2TL | 1 TL | 1 TL\* |
| ***Tỉ lệ %*** |  | 15% | 45% | 30% | 10% |
| **Tỉ lệ chung** |  | 60% | 40% |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 9**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận. Đó là lí do để chúng ta không vì thèm khát vị thế cao sang này mà rẻ rúng công việc bình thường khác. Cha mẹ ta, phần đông, đều làm công việc rất đổi bình thường. Và đó là một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy. Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti. Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kĩ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chíp vào trong máy tính? Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày.*

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, Phạm Lữ Ân, NXB Hội Nhà văn, 2012)

**Thực hiện các yêu cầu dưới đây:**

**Câu 1. Cho biết câu văn nào trong đoạn trích trên là câu chủ đề ?**

**A.** *Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận.*

B.  *Và đó là một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy.*

C. *Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường.*

D. *Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày.*

**Câu 2.**

“… *Cha mẹ ta, phần đông, đều làm công việc rất đổi bình thường. Và đó là một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy. Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti.”*

**Những câu văn trên người viết đã dùng phương pháp nghị luận nào?**

1. Lập luận giải thích
2. Lập luận chứng minh
3. Lập luận giải thích ,chứng minh
4. Dùng lý lẽ để làm sáng tỏ vấn đề

**Câu 3. Theo tác giả : “*một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy”* là gì?**

1. *Cha mẹ ta, phần đông, đều làm công việc rất đổi bình thường.*
2. *Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận.*
3. *Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau?*
4. *Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường.*

**Câu 4.** “*Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kĩ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chíp vào trong máy tính?”*

**Nhận xét nào dưới đây đúng nhất về tác dụng của các câu hỏi tu từ trên trong đoạn trích?**

1. Khẳng định việc làm bình thường không làm ta xấu đi.
2. Khẳng định vai trò, sự đóng góp của người quét rác trên những đường phố, người dọn vệ sinh bệnh viện, người tưới nước những luống rau, người gắn những con chíp và máy tính.
3. Khuyên mọi người cần phải có lập trường vững vàng hơn trong cuộc sống.
4. Tạo ra bài học đáng quý cho mỗi người , nhất là với việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân ở tương lai.

**Câu 5.** Xác định các thành phần câu trong hai câu sau và biến đổi chúng thành một câu ghép: “*Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày.”*

**Câu 6.** Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: *Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận* không ? Vì sao ?

**Câu 7.** Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày về sự cần thiết của việc vươn lên từng ngày ở mỗi người.

**II. VIẾT : (4,0 điểm)**

Hãy tưởng tượng trong một giấc mơ em đã gặp gỡ ,trò chuyện với một nhân vật trong tác phẩm văn học mà em đã học hay đọc thêm .Tuy chỉ là giấc mơ nhưng nó đã để lại trong em nhiều niềm xúc động và ấn tượng. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đầy xúc động ấy ?

**\*\*\*\*\*\*\*Hết\*\*\*\*\*\*\***

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | * Xác định đúng các thành phần CN/VN của 2 câu
* Biết đổi thành câu ghép phù hợp
 | 0,50,5 |
| **6** | - Bày tỏ quan điểm: có thể đồng tình, không đồng tình hoặc đồng tình một phần.- Lí giải thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. | 1.0 |
| **7** | **Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày về sự cần thiết của việc vươn lên từng ngày ở mỗi người.**a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: Có đủ mở đoạn, thân đoạn, kết đoạnb. Xác định đúng vấn đề nghị luận: sự cần thiết của việc vươn lên từng ngày ở mỗi người.c. Triển khai vấn đề nghị luận thành một đoạn văn theo những cách khác nhau nhưng cần tập trung làm rõ sự cần thiết của việc vươn lên từng ngày ở mỗi người. Có thể theo hướng sau:*- Cuộc sống luôn vận động, việc vươn lên từng ngày là đòi hỏi tất yếu để mỗi người hòa nhịp và bắt kịp với sự thay đổi ấy.**- Việc vươn lên từng ngày tạo động lực giúp ta phát huy năng lực, chinh phục ước mơ và hòa thiện bản thân.**- Việc vươn lên từng ngày là lối sống tích cực để mỗi người góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn*\* Bàn luận:*+ Cuộc sống luôn vận động và phát triển đòi hỏi con người phải có ý thức sống tích cực.**+ Người biết vươn lên hằng ngày trong cuộc sống là người dễ đạt tới sự thành công. Ngược lại, nếu không biết vươn lên thì sẽ trở thành kẻ tụt lùi, trì trệ thậm chí lạc lõng**+ Vươn lên trong cuộc sống để khẳng định giá trị sống bản thân, hoàn thành vai trò, trách nhiệm* *công dân trong việc xây dựng và phát triển đất nước.*- Phản đề: *Phê phán những người thiếu tinh thần cầu tiến, sống dựa dẫm, ĩ lại.*\* Bài học nhận thức và hành động:*+ Có ý thức sống: Tôn trọng bản thân và xã hội;**+ Tích cực học tập, có tinh thần học hỏi, trau dồi các chuẩn mực đạo đức, kĩ năng sống.**+ Rèn luyện nghị lực, bản lĩnh vượt qua những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống.**+ Tạo dựng ước mơ, mục tiêu sống tốt đẹp*d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luậne. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | 2.0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*. *Kể chuyện tưởng tượng –tự sự kết hợp yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm và nghị luận* | 0,25 |
|  | *c. Diễn biến câu chuyện*HS có thể tự do tưởng tượng, suy nghĩ về nhân vật nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.5 |
|  | - Bối cảnh gặp gỡ. Nhân vật giới thiệu lai lịch- Những quan sát về hình ảnh, trạng thái tâm lý của nhân vật trong câu chuyện gợi ra.- Diễn biết cuộc trò chuyện, tiếp xúc với nhân vật.- Kết thúc giấc mơ, những ý nghĩa, giá trị sống được gợi ra từ cuộc gặp gỡ trong giấc mơ. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận gợi ra từ câu chuyện; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

* + **Hết -**